

Số: /BC-UBND
(DỰ THẢO)

Tiểu Cần, ngày tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cho xã Hiếu Tử năm 2021

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X “*về nông nghiệp, nông dân, nông thôn*”;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Công văn số 394/BNN-VPĐP, ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trong năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020;

Căn cứ Công văn số 293/UBND-NN, ngày 25/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện Công văn số 394/BNN-VPĐP, ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 36-KH/HU ngày 06/8/2021 của Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 15/4/2021 của Ban Chỉ đạo huyện về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn huyện Tiểu Cần năm 2021,

Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 02/11/2020 của UBND xã Hiếu Tử về việc thẩm tra, đề nghị xét công nhận xã Hiếu Tử đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Hiếu Tử, UBND huyện Tiểu Cần báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao cho xã Hiếu Tử năm 2021, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (ngày 05/11/2021)

I. VỀ HỒ SƠ

- Tờ trình số 75 /TTr-UBND ngày 02/11/2021 của UBND xã Hiếu Tử về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Hiếu Tử đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

- Báo cáo số 49 /BC-UBND ngày 29/10/2021 của UBND xã Hiếu Tử về kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao đến năm 2021 của xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Báo cáo số 48 /BC-UBND ngày 28/10/2021 của UBND xã Hiếu Tử về tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2021 của xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Biên bản họp ngày 01/11/2021 của UBND xã Hiếu Tử đề nghị xét, công nhận xã Hiếu Tử đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

- Báo cáo số 47/BC-UBND ngày 27/10/2021 của UBND xã Hiếu Tử về việc thực hiện các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn xã từ năm 2016 – 2021.

II. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí

1.1. Có lưu trữ đầy đủ hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã Nông thôn mới được phê duyệt theo quy định; Công khai niêm yết quy hoạch được phê duyệt (*kể cả khi điều chỉnh quy hoạch*) và hoàn thành cắm mốc quy hoạch (*có biên bản*).

1.2. Quản lý và tổ chức triển khai thực hiện theo quy hoạch được duyệt (*thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tình hình thực tế của địa phương*).

b) Kết quả thực hiện

1.1. Xã có Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 28/9/2018 của UBND huyện Tiểu Cần Về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Hiếu Tử, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; Các bản vẽ quy hoạch được niêm yết công khai tại UBND xã để người dân biết và thực hiện.

1.2. Có Quyết định ban hành quy định quản lý theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Hiếu Tử được phê duyệt tại Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND huyện Tiểu Cần.

* Tổng kinh phí thực hiện: 0,175 tỷ đồng (Ngân sách huyện).

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

2. Tiêu chí số 2 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

2.1. Có 100% km đường liên xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp B ($B_{\text{mặt}} \geq 3,5\text{m}$, $B_{\text{nền}} \geq 5\text{m}$) trở lên.

2.2. Có 70% km đường liên ấp được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{\text{mặt}} \geq 3\text{m}$, $B_{\text{nền}} \geq 4\text{m}$) trở lên.

2.3. Có 100% km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa và có 70% đạt cấp kỹ thuật từ cấp D ($B_{\text{mặt}} \geq 1,5\text{m}$, $B_{\text{nền}} \geq 2\text{m}$) trở lên.

2.4. Có 70% km đường trục chính nội đồng theo quy hoạch được cứng hóa, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đạt cấp kỹ thuật từ cấp C ($B_{\text{mặt}} \geq 3\text{m}$, $B_{\text{nền}} \geq 4\text{m}$) trở lên.

2.5. Có 50% km đường liên xã, liên ấp có hệ thống đèn chiếu sáng.

2.6. Thực hiện duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông đảm bảo không bị hư hỏng gây mất an toàn giao thông.

b) Kết quả thực hiện

2.1. Xã có 02 tuyến đường liên xã, dài 10,5 km được nhựa hóa, đạt 100%, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt chuẩn theo quy định.

2.2. Xây dựng 01 tuyến đường nhựa (Áp Ô Trao) ngang 3m, chiều dài 520 m, kinh phí 1 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay trên bàn xã có 07 tuyến đường liên ấp dài 17,7 km được nhựa hóa 13,9 km, đạt 78,31%, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và đạt chuẩn theo quy định

2.3. Xây dựng 02 tuyến đường nhựa (đường vào chợ Lò Gò ngang 3m dài 475 m, kinh phí 1,3 tỷ đồng, đường nhựa ấp Tân Đại ngang 3 m, dài 450 m), kinh phí 1 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn xã có 06 tuyến đường ngõ xóm dài 8,3 km được cứng hóa 7,0 km, đạt 83,83%, đảm bảo không lầy lội vào mùa mưa và đạt chuẩn theo quy định.

2.4. Xã có 06 tuyến đường trục chính nội đồng dài 13,2 km được cứng hóa 10,6 km, đạt tỷ lệ 80,30%, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đạt chuẩn theo quy định.

2.5. Có 09 tuyến đường liên xã, liên ấp, tổng chiều dài 20,7 km, trong đó có 06 tuyến, chiều dài 15,4 km có đèn chiếu sáng, đạt tỷ lệ 74,40%, kinh phí thực hiện 1,46 tỷ đồng, ngân sách huyện hỗ trợ 50% số tiền 730 triệu đồng, còn lại 50% do Nhân dân đóng góp thực hiện.

2.6. Hàng năm Ban Chỉ đạo xã thực hiện tốt việc khảo sát và có kế hoạch duy tu bảo dưỡng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã, đảm bảo không gây mất an toàn giao thông. Cụ thể đã sửa chữa được 02 tuyến đường đal ngang 1,5 – 2m, xây mới 04 cây cầu BTCT, tổng kinh phí 0,465 tỷ đồng.

* **Tổng kinh phí thực hiện:** 5.225 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn Trung ương:

+ Vốn Huyện: 4,03 tỷ đồng.

+ Vốn dân: 1,195 tỷ đồng

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 90% trở lên.

3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện

3.1. Nạo vét được 15 tuyến kênh, trong đó: 08 tuyến kênh cấp II chiều dài 8,2 km, khối lượng đất đào đắp 15.450 m³, 07 tuyến kênh cấp III, chiều dài 10,4 km, khối lượng 18.750m³, tổng kinh phí 656 triệu đồng. Hiện trên địa bàn xã có 84 tuyến kênh dài 126,7 km, có 17 cống kiên cố hóa được lắp đặt ở các tuyến kênh đầu mối, đảm bảo chủ động nước tưới tiêu. Xã có 2.637,85 ha diện tích đất tự nhiên được tưới tiêu chủ động, chiếm tỷ lệ 100%; có 2.356,26 ha diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động chiếm tỷ lệ 100%; có 7,81 ha diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp, thoát nước chủ động, chiếm tỷ lệ 100%.

3.2. UBND xã phân công công chức nông nghiệp và Trưởng BND các ấp thường xuyên kiểm tra theo dõi, quản lý, vệ sinh hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn xã, đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh. Thực hiện tốt quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ; có 100% cán bộ xã được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ về phòng, chống thiên tai; toàn xã có 23 cụm loa không dây đảm bảo thu, nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai đảm bảo 100% người dân được tiếp nhận một cách kịp thời và đầy đủ.

* **Tổng kinh phí thực hiện:** 0,656 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn tỉnh:

+ Vốn huyện: 0,6 tỷ đồng.

+ Vốn dân: 0,056 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí

4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.

4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện đạt từ 99% trở lên.

b) Kết quả thực hiện

4.1. Trên địa bàn xã có 24,14 km đường dây trung thế; 91,13 km đường dây hạ thế và 67 trạm biến áp, hệ thống điện trên địa bàn xã đạt chuẩn theo quy định.

4.2. Phát triển mới 09 hộ sử dụng điện, kinh phí 27,5 triệu đồng. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn xã có 3.071/3.071 hộ sử dụng điện thường xuyên và an toàn, đạt 100%.

* **Tổng kinh phí thực hiện:** 0,0275 tỷ đồng, trong đó:
+ Vốn dân: 0,0275 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí

Có từ 70% trở lên trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Xây mới 09 phòng học (Trường Tiểu học Hiếu Tử A), kinh phí 3,541 tỷ đồng, sơn bê 10 phòng học trường Tiểu học Hiếu Tử C, kinh phí 0,120 tỷ đồng, công trình xây mới 6 phòng học trường THCS kinh phí 4,8 tỷ đồng. Chính trang sân danl trường THCS Hiếu Tử, kinh phí 0,130 tỷ đồng. Đến nay có 4/4 trường đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, đạt 100%, có 01 trường đạt chuẩn quốc gia về trường học.

* **Tổng kinh phí thực hiện:** 8,591 tỷ đồng, trong đó:
+ Vốn huyện: 8,591 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

6. Tiêu chí 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã đảm bảo đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

6.3. 100% ấp hoặc liên ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa; khu thể thao phục vụ cộng đồng đạt theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

6.4. Nhà văn hóa xã, ấp được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả; có hàng rào (*cây xanh hoặc hàng rào kiên cố*); có trồng hoa, cây cảnh, sạch đẹp.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

6.1. Xây mới nhà văn hóa, khu thể thao ấp Ô Đùng diện tích 125 m², kinh phí 01 tỷ đồng. Có 07/ 07 nhà văn hóa ấp đảm bảo phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao; sân vận động của xã diện tích 10.125 m² đảm bảo các hoạt động thể dục thể thao của người dân trên địa bàn xã và đạt chuẩn theo quy định.

6.2. Xã tận dụng nhà văn hóa xã, khuôn viên khu hành chính xã, nhà văn hóa và khu thể thao 07/07 ấp, sân vận động – sân bóng chuyên xã làm điểm vui chơi, giải trí, thể thao cho trẻ em và người cao tuổi.

6.3. Xã có 07/07 ấp có nhà văn hóa, diện tích khuôn viên mỗi nhà văn hóa 50-70m²(bố trí 50 chỗ ngồi), để các ấp sinh hoạt và tổ chức thể thao, phục vụ cộng đồng nhân các dịp lễ, tết,...

6.4.07/07 ấp đã có hàng rào cây xanh, trong khuôn viên nhà văn hóa có trồng hoa, cây xanh đảm bảo xanh – sạch – đẹp.

* **Tổng kinh phí thực hiện:** 01 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn tỉnh: 01 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí

7.1. Xã có chợ nông thôn được xây dựng kiên cố và có đầy đủ các công trình phụ trợ; các khu vực kinh doanh được bố trí, sắp xếp bảo đảm các yêu cầu về trật tự, vệ sinh, văn minh.

7.2. Trên địa bàn xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát, chợ phải có bố trí khu vực riêng dành cho những người buôn bán nhỏ, hàng rong, quà vật, người kinh doanh không thường xuyên tại chợ và phải chấp hành Nội quy chợ.

b) Kết quả thực hiện

7.1 Trên địa bàn xã có 01 chợ , diện tích 9.037 m² chợ xây dựng cơ bản, có đầy đủ các hạng mục phụ trợ, chợ đạt chuẩn.

7.2 Xã không có tụ điểm kinh doanh tự phát, không có điểm mua bán lấn chiếm lòng lề đường, vỉa hè và chấp hành an toàn giao thông, vệ sinh môi trường.

8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.

8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.

8.3. Có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp; duy trì hoạt động thường xuyên.

8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, trong đó hệ số máy tính/số cán bộ công chức xã đạt tối thiểu 0,5 (50%).

b) Kết quả thực hiện

8.1. Xã có 01 điểm Bưu điện văn hóa đang hoạt động tốt, đảm bảo đáp ứng dịch vụ bưu chính.

8.2. Có 7/7 ấp đã được cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông, internet; phát triển mới 135 hộ sử dụng internet, kinh phí 0,021 tỷ đồng, hiện trên địa bàn xã có trên 85% hộ dân đăng ký sử dụng dịch vụ.

8.3. Nâng cấp 01 trạm truyền thanh tại khu hành chính xã, và lắp đặt 19 cụm loa không dây, kinh phí 0,078 tỷ đồng. Hiện trên địa bàn xã có 01 trạm truyền thanh và 23 cụm loa không dây được bố trí phủ đều 07/07 ấp, hoạt động thường xuyên đúng theo quy định.

8.4. Trong công tác quản lý và điều hành xã có ứng dụng công nghệ thông tin. Các bộ phận chuyên môn của xã đều có bố trí máy vi tính, thực hiện nhận và gửi

văn bản điều hành qua mạng Internet. Toàn xã có 27/35 cán bộ, công chức sử dụng máy vi tính, đạt 1,31%.

*Tổng kinh phí thực hiện:	0,099 tỷ đồng, trong đó:
+ Vốn doanh nghiệp:	0,078 tỷ đồng.
+ Vốn dân:	0,021 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí

9.1. Không còn nhà tạm, dột nát; không còn hộ không có đất ở phát sinh trước 03 năm trở lên so với năm đánh giá.

9.2. Có trên 80% hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ Xây dựng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

9.1. Hỗ trợ xây dựng 05 căn nhà tình nghĩa, 06 căn nhà đại đoàn kết cho 6 hộ nghèo với tổng kinh phí 0,440 tỷ đồng, vận động người dân tự xây dựng 105 căn nhà, kinh phí 21 tỷ đồng. Bên cạnh đó thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chính sách đối với người có công, chính sách an sinh xã hội, chính sách dân tộc,...đồng thời chăm lo tốt cho gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ khó khăn. Đến nay trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát và không có hộ không có đất ở.

9.2. Toàn xã có 2.912/3.071 hộ có nhà ở đạt chuẩn Bộ xây dựng, chiếm tỷ lệ 94,82%.

*Tổng kinh phí thực hiện:	21,44 tỷ đồng, trong đó:
+ Vốn doanh nghiệp:	0,44 tỷ đồng.
+ Vốn dân:	21 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người/năm tối thiểu phải bằng 1,2 lần so với thu nhập bình quân đầu người/năm theo quy định hàng năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới (*Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến 2020 là \geq 51 triệu đồng/người/năm*).

b) Kết quả thực hiện

Năm 2021 thu nhập bình quân đầu người đạt 61.255.000 đồng/người/năm.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016 - 2020 (*trừ các hộ nghèo thuộc đối tượng chính sách bảo trợ xã hội*) chiếm dưới 2%.

b) Kết quả thực hiện

Thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội để hỗ trợ cho hộ nghèo. Thời gian qua xã đã tổ chức vận động các mạnh thường quân hỗ trợ

cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình khó khăn do dịch bệnh Covid-19 tại khu phong tỏa, khu cách ly tập trung 3.001 phần quà, với kinh phí 0,903 tỷ đồng, có 2.265 người dân được hỗ trợ 3,6 tỷ đồng (Theo NQ 68). Thực hiện điều tra hộ nghèo, cận nghèo năm 2021. Kết quả có 20 hộ thoát nghèo. *Hiện nay hộ nghèo cuối năm 2021 còn 17 hộ, chiếm tỷ lệ 0,55% .*

*** Tổng kinh phí thực hiện:** 4,503 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn Chính Phủ: 3,6 tỷ đồng.

+ Vốn doanh nghiệp, tổ chức 0,903 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

12. Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động đạt từ 95% trở lên.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Trên địa bàn xã có 6.915 người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động có việc làm, chiếm tỷ lệ 95,14%, có 4.939 lao động có việc làm qua đào tạo, chiếm tỷ lệ 75,07%

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

13. Tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

13.1. Xã có ít nhất 01 hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và thật sự có hiệu quả.

13.2. Xã có ít nhất 01 mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với định hướng phát triển dịch vụ du lịch tại địa phương.

13.3. Thực hiện có hiệu quả quy hoạch, kế hoạch phát triển sản xuất hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt từ 80% trở lên; có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.

b) Kết quả thực hiện

13.1. Xã có 01 Hợp tác xã hoạt động đúng theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, vốn điều lệ 0,5 tỷ đồng, có 139 thành viên, hoạt động với các lĩnh vực hoạt động như: Cung cấp lúa giống chất lượng cao, hợp đồng bao tiêu nông sản, vật tư nông nghiệp.

13.2. Xã có mô hình sản xuất lúa, với diện tích 5 ha (sử dụng phân con lười), thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị thông qua Hợp tác xã nông nghiệp Hiếu Tử ký kết với các Công ty bao tiêu 50 tấn lúa, hiện nay lúa, gạo là sản phẩm chủ lực của xã, đảm bảo hiệu quả, chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, trong năm được đầu tư kinh phí 0,03 tỷ đồng để chứng nhận thương hiệu gạo sạch của HTX;

13.3. Xã có xây dựng kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo giai đoạn 2017 – 2020 là hàng hóa chủ lực của xã gắn với cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp, chuyển dịch kinh tế nông thôn.

13.4. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp đạt trên 95%; xã có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất cụ thể: mô hình sản xuất theo hướng phân hóa học (Sử dụng phân bón con lười, giảm sử dụng thuốc trừ sâu).

* **Tổng kinh phí thực hiện:** 0,03 tỷ đồng, trong đó:

+ **Vốn tỉnh:** 0,03 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí

14.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở mức độ 3.

14.2. Có trên 90% học sinh tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (*phổ thông, bổ túc, học nghề*).

14.3. Không có học sinh bỏ học, không có học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật, chiếm dưới 2%.

14.4. Có trên 65% lao động có việc làm qua đào tạo.

14.5. Có 100% lao động nông thôn trong độ tuổi lao động thường trú ở địa phương có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế, chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp.

b) Kết quả thực hiện

14.1. Xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3.

14.2. Năm học 2020 – 2021 học sinh THCS tốt nghiệp THCS là 114 em, có 110/114 em học sinh tốt nghiệp THCS, tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc và học nghề, chiếm tỷ lệ 96,49%.

14.3. Năm học 2020 – 2021 có 08/2.225 em học sinh bỏ học giữa chừng, chiếm tỷ lệ 0,36%, không có học sinh vi phạm đạo đức hạnh kiểm kém, vi phạm pháp luật.

14.4. Hiện trên địa bàn xã có 4.939 lao động có việc làm qua đào tạo, chiếm tỷ lệ 75,07%.

14.5. Phối hợp các ngành chuyên môn của tỉnh, huyện tổ chức được 31 lớp tập huấn chuyển giao KHKT cho 1.395 lao động nông thôn, kinh phí 0,073 tỷ đồng. Hiện toàn xã có 6.915 người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động được tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, công nghệ, rủi ro thiên tai, cơ chế chính sách của Nhà nước và được cung cấp thông tin để phát triển sản xuất, kinh doanh hoặc chuyển đổi cách thức làm ăn cho phù hợp, đạt 100%.

* **Tổng kinh phí thực hiện:** 0,073 tỷ đồng, (Vốn huyện).

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

15.1. Có trên 90% người dân tham gia BHYT trên dân số theo niên giám thống kê.

15.2. Y tế xã đạt chuẩn quốc gia.

15.3. Có dưới 15% trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).

15.4. Chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và mức hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu cho người dân được đảm bảo; công tác kiểm soát các bệnh truyền nhiễm và bệnh gây dịch được thực hiện có hiệu quả; không có tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

b) Kết quả thực hiện

15.1. Đến nay toàn xã có 8.445/12.056 người dân có mặt tại địa phương tham gia bảo hiểm y tế, chiếm tỷ lệ 70,05%. Phối hợp vận động các doanh nghiệp, mạnh thường quân hỗ trợ, tiếp tục vận động các hộ nông nghiệp có mức sống trung bình tham gia mua BHYT, phần đầu cuối tháng 11 có trên 90% người dân tham gia BHYT.

15.2. Xã đạt chuẩn quốc gia về Y tế năm 2015 và được tái công nhận vào năm 2018 theo Quyết định số 2712/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh.

15.3. Toàn xã có 59/875 trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi, chiếm tỷ lệ 6,74%.

15.4. Trạm y tế xã thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân, đảm bảo cho người dân được hưởng thụ các dịch vụ y tế ban đầu; kiểm soát các dịch, bệnh được thực hiện có hiệu quả; không để xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm đông người.

- **Tổng kinh phí thực hiện:** 6,882 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn tỉnh: 0,69 tỷ đồng.

+ Vốn dân: 6,881 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

16.1. Có trên 85% ấp đạt tiêu chuẩn ấp Văn hóa và ấp Nông thôn mới.

16.2. Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được đảm bảo và thu hút nhiều người dân tham gia; bảo tồn và phát huy những giá trị tốt đẹp văn hóa truyền thống địa phương; xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động nhân đạo, từ thiện.

b) Kết quả thực hiện

16. 1. Có 7/7 ấp được UBND huyện công nhận lại ấp văn hóa, nông thôn mới theo Quyết định số 8065/QĐ-UBND ngày 11/11/2021 của UBND huyện Tiểu Cần, đạt 100%.

16.2. Xã duy trì tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và thu hút nhiều người dân tham gia. Cụ thể: phối hợp tổ chức giao lưu đờn ca tài tử, biểu diễn nhạc cụ Khmer và các hoạt động thể thao như giao lưu bóng đá, bóng chuyền,... Bên cạnh đó, xã có bảo tồn được các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao truyền thống của địa phương như: các trò chơi dân gian, nhạc cụ, đội múa Sadam, nhạc ngũ âm của đồng bào dân tộc khmer và đờn ca tài tử; vận động Nhân dân thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới; thường xuyên vận động các mạnh thường quân, nhà hảo tâm, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn xã.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí

17.1. Có hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân trên địa bàn toàn xã.

17.2. Có trên 99% hộ sử dụng nước hợp vệ sinh; trong đó có trên 75% hộ sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung

17.3. Có 100% cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

17.4. Xây dựng cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

17.5. Xã có quy hoạch nghĩa trang hoặc xây dựng nghĩa trang liên xã (*đối với xã có đông đồng bào dân tộc Khmer có nhà hỏa táng*); Mai táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch.

17.6. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, chợ, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định; (*trong đó: tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo quy định là $\geq 70\%$; có mô hình, tổ chức phân loại và thu gom rác*).

17.7. Có trên 80% hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch.

17.8. Có trên 80% hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.

17.9. Có 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

17.10. Các cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã phải đạt chuẩn văn hóa.

17.11. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (*nếu có*), phải đảm bảo xa khu dân cư và được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh bao bọc xung quanh.

b) Kết quả thực hiện

17.1. Nâng cấp trạm cấp nước sinh hoạt xã và mở rộng 07 tuyến ống, dài 9,5 km, kinh phí 2,75 tỷ đồng. Hiện trên địa bàn xã có 01 hệ thống cung cấp nước sinh hoạt tập trung, và 04 trạm lẻ, đảm bảo cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân.

17.2. Toàn xã có 3.071/3.071 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 100%. Phát triển mới 119 hộ sử dụng nước sạch, kinh phí 0,079 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay toàn xã có 2.375/3.071 hộ sử dụng nước sạch, chiếm tỷ lệ 77,34%.

17.3. Toàn xã có 2.180 hộ gia đình có hàng rào cây xanh đảm bảo các quy định về môi trường, đạt 100%.

17.4. Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hàng tuần cán bộ xã, ấp và Nhân dân tập trung trồng cây xanh, vệ sinh cảnh quan môi trường ở dọc các tuyến lộ, ở khu dân cư, ngõ xóm và các tuyến kênh... Đến nay xã được UBND huyện công nhận 03 tuyến đường sáng – xanh – sạch – đẹp, dài 7,5 km, có 2.610 hộ đã thực hiện cải tạo vườn, cảnh quang, chỉnh trang hàng rào cây xanh, chiếm tỷ lệ 85%..

17.5. Hiện nay trên địa bàn xã sử dụng chung với nghĩa trang liệt sĩ xã Phú Cần diện tích 2,19 ha, xã có 04 nhà hỏa táng được xây dựng đúng theo quy định và theo quy hoạch; việc mai táng được thực hiện phù hợp với phong tục địa phương và đúng theo quy định.

17.6. Vận động 314/418 hộ dân cấp tuyến quốc lộ 60 đăng ký thu gom rác, chiếm tỷ lệ 75,06%; chất thải ở khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom và xử lý theo quy định. Rác thải Trạm y tế xã được thu gom và xử lý tại lò đốt rác thải y tế của Trạm y tế. Xã có bố trí công bê tông chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật ở các khu sản xuất tập trung và được thu gom đúng theo quy định; trên toàn xã có 3.009/3.071 hộ có hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đúng theo quy định, chiếm tỷ lệ 98%. Ủy ban nhân dân xã xây dựng quy ước bảo vệ môi trường và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt.

17.7. Vận động xây mới 367 hố xí hợp vệ sinh, kinh phí 3,670 tỷ đồng. Nâng tổng số đến nay toàn xã có 2.561/3.071 hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh đảm bảo 3 sạch, chiếm tỷ lệ 83,39%.

17.8. Vận động xây dựng 27 hầm biogas, kinh phí 0,310 tỷ đồng. Hiện toàn xã có 787/855 hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, chiếm tỷ lệ 92,04%.

17.9. Trên địa bàn xã có 1.286 hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100% (*Bao gồm: Lĩnh vực nông nghiệp 1.206 hộ; Lĩnh vực công thương 80 hộ, trong đó có 05 hộ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP*).

17.10. Trên địa bàn xã có 11 cơ quan trên địa bàn xã đạt chuẩn văn hóa, đạt 100%.

17.11. Xã đang sử dụng chung với bãi rác Thị trấn Cầu Quan.

***Tổng kinh phí thực hiện:** 6,81 tỷ đồng, trong đó:

+ Vốn tỉnh: 2,75 tỷ đồng.

+ Vốn dân: 4,06 tỷ đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí

- 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.
- 18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- 18.3. Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”.
- 18.4. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt từ loại khá trở lên.
- 18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.
- 18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

b) Kết quả thực hiện

18.1. Xã có 23/23 cán bộ, công chức (*Cao học 02 Đ/c, Đại học 21 Đ/c*) đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và 10 người hoạt động không chuyên trách cấp xã; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Các cán bộ, công chức xã không bị xử lý kỷ luật.

18.2. Xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở: Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội đúng theo quy định.

18.3. Năm 2021 Đảng bộ xã đạt tiêu chuẩn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

18.4. Năm 2021, các tổ chức chính trị - xã hội của xã được ngành dọc cấp trên công nhận đạt loại tốt trở lên

18.5. Xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2021;

18.6. Xã luôn kịp thời kiện toàn Ban vì sự tiến bộ của phụ nữ và hoạt động có hiệu quả; thời gian qua đã phối hợp với các ngành đoàn thể xã và các ngành cấp trên đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới, qua đó tạo được sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức về bình đẳng giới đối với người dân trên địa bàn xã, kết quả tuyên truyền được 79 cuộc có 1.543 lượt cán bộ, hội viên phụ nữ và người dân tham dự; tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng tuyên truyền, vận động về công tác phụ nữ và bình đẳng giới đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; nâng cao vai trò, vị trí, tạo mọi điều kiện để phụ nữ phát triển và thực hiện tốt bình đẳng giới trong xã hội; tuyên truyền về kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ, tự phòng ngừa bạo lực xâm hại cho phụ nữ, trẻ em được 11 cuộc, có 342 lượt người tham gia. Đồng thời xây dựng 01 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng để hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình, từ đó trên địa bàn xã không có tình trạng bạo lực gia đình. Xã có 04/15 nữ ủy viên cấp ủy, chiếm tỷ lệ 26,67%

(trong đó có 01 Phó Chủ tịch UBND và 01 Chủ tịch UBMTTQ là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, 02 Công chức VP-TK là ủy viên BCH).

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí

19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương.

19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên: trên địa bàn xã không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.

19.3. Có trên 90% ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

19.4. Xã có mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện

19.1. Ban Chỉ huy Quân sự xã được xây dựng đúng theo quy định gồm: 01 Chỉ huy trưởng là thành viên UBND, 02 Chỉ huy phó, 01 Chính trị viên, 01 Chính trị viên phó là cán bộ kiêm nhiệm; Chỉ huy trưởng và 02 Chỉ huy phó đều được qua đào tạo trình độ trung cấp quân sự, hàng năm đều tham gia đầy đủ các lớp tập huấn bồi dưỡng về chính trị và chuyên môn, nghiệp vụ do trên triệu tập; Ban Chỉ huy Quân sự xã có nơi làm việc đúng theo quy định và được bố trí đầy đủ các trang thiết bị hoạt động; tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân có 28/121 đồng chí, chiếm tỷ lệ 23,14%, tỷ lệ phát triển đảng hàng năm trong lực lượng dân quân đều đạt theo quy định; Ấp đội trưởng 7/7 ấp đều là đảng viên, đạt 100%; xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ quốc phòng quân sự địa phương. Xã được công nhận xã vững mạnh về Quốc phòng an ninh năm 2021.

19.2. Đảng ủy có đề ra Nghị quyết, UBND xã có xây dựng Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; xã được công nhận đạt tiêu chuẩn xã “an toàn về an ninh trật tự” năm 2021, Trên địa bàn xã không có xảy ra khiếu kiện đông người kéo dài; không xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm so với các năm trước.

19.3. Xã có 7/7 ấp được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự, đạt 100%

19.4. Xã tổ chức xây dựng có hiệu quả các mô hình tự quản, liên kết bảo vệ an ninh trật tự trên địa bàn. Hiện toàn xã có 08 mô hình, 09 Câu lạc bộ, và 119 Tổ trưởng Tổ tự quản hoạt động tốt. Hiện nay xã có tổ chức một mô hình liên giữa câu lạc bộ “*Vận động gây quỹ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng*” với câu lạc bộ “*Tuyên truyền giáo dục, cảm hóa đối tượng*” tại gia đình và cộng đồng dân cư của Ban quản trị chùa Ô Đùng xã Hiếu Tử.

***Tổng kinh phí thực hiện: 179 triệu;**

- Vốn lòng ghép: 79 triệu đồng;

- Vốn dân: 100 triệu đồng.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

20. Tiêu chí số 20 về Hành chính công

a) Yêu cầu của tiêu chí

20.1. Xã có thực hiện cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định.

20.2. Thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở; các ấp có xây dựng và thực hiện hiệu quả quy ước, hương ước cộng đồng.

20.3. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.

b) Kết quả thực hiện

20.1. Duy trì và thực hiện tốt công tác cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính cho các tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định, từng bước nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, không gây phiền hà cho Nhân dân. Trong năm tiếp nhận giải quyết 3.844 hồ sơ, trả kết quả hồ sơ đúng hạn đạt 100%. Rà soát, tiến hành xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử đối với các thủ tục hành chính cấp xã được Chủ tịch UBND tỉnh ban hành. Tiếp nhận 399 văn bản các loại của trên gửi đến; ban hành 435 văn bản chỉ đạo điều hành liên quan đến các lĩnh vực. Thực hiện tốt việc duy trì, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Đồng thời, thực hiện tốt công tác gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống I-Office.

20.2. Xã thực hiện tốt các quy định về dân chủ cơ sở, công khai những nội dung phải công khai cho dân biết, dân bàn được thực hiện nghiêm túc đúng theo Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH 11 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể: lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, nạo vét kênh, bình nghị tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo,... đều được đưa ra dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, đồng thời thực hiện tốt theo Nghị định 04/NĐ-CP về qui chế dân chủ ở cơ quan, các nội dung được công khai tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hiện nay 7/7 ấp xây dựng và thực hiện hiệu quả hương ước, quy ước cộng đồng, đạt 100%.

20.3. Có 100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, trong thực hiện nhiệm vụ có thể hiện tốt đạo đức công vụ như: tác phong, ứng xử, thái độ,... khi tiếp xúc Nhân dân, đúng theo quy định tại Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg, ngày 02/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; Quyết định số 1847/QĐ-TTg, ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Văn hóa công vụ; Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV, ngày 26/02/2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương.

c) Đánh giá: Đạt so yêu cầu tiêu chí.

III. VỀ TÌNH HÌNH NỢ ĐONG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Tính đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn xã Hiếu Tử không còn nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao.

B. KẾT LUẬN

I. VỀ HỒ SƠ

Xã Hiếu Tử có đầy đủ các văn bản theo quy định.

II. VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

Tổng số tiêu chí nông thôn mới nâng cao của xã Hiếu Tử đã được UBND huyện Tiểu Cần thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra đạt 20/20 tiêu chí, đạt 100%.

III. VỀ TÌNH HÌNH NỢ ĐONG XÂY DỰNG CƠ BẢN TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Tính đến thời điểm được UBND huyện thẩm tra, đơn vị xã Hiếu Tử không còn nợ đọng đối với các công trình xây dựng cơ bản và các công trình có liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã.

C. KIẾN NGHỊ

- Các tổ chức chính trị - xã hội, UBND các xã trên địa bàn huyện xem xét, đóng góp ý kiến để UBND huyện hoàn thành báo cáo kết quả thẩm tra theo quy định.

- Thành viên Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện xem xét đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua đề nghị công nhận xã Hiếu Tử đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

- Chủ tịch UBND tỉnh thẩm tra công nhận xã Hiếu Tử đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT.BCĐ tỉnh;
- VPĐP tỉnh;
- TT.HU;
- TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- BCĐ huyện;
- VPĐP huyện;
- UBND các xã;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**